ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 329 /BC-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2023*

BÁO CÁO
Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi

Theo nội dung đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tại Công văn số 4106/STNMT-BHĐ ngày 31/7/2023 về việc báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, UBND thành phố Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện với nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1.1. Việc tuyên truyền, quán triệt, xây dựng và ban hành chương trình hành động, kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết

UBND thành phố đã chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, UBND các xã ven biển chủ động bám sát tình hình thực tế của địa phương, cùng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tăng cường công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Nhìn chung, việc tổ chức triển khai quán triệt thực hiện Nghị quyết được thực hiện nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao, UBND các xã ven biển đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển bền vững kinh tế biển gắn với quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường với an ninh quốc phòng, qua đó được sự đồng tình hưởng ứng cao của quần chúng Nhân dân và đạt được nhiều kết quả tích cực.

1.2 Việc tuyên truyền, quán triệt, xây dựng và ban hành chương trình hành động, kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết tại các đại phương trên địa bàn thành phố

Hằng năm, UBND các xã ven biển xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển; ban hành các văn bản, kế hoạch tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường hưởng ứng Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới (5/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo, các ngày lễ, tết,… nhằm huy động sự tham gia tích cực của các ban ngành, đoàn thể và toàn thể nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh

môi trường để nâng cao chất lượng cuộc sống, gắn phát triển kinh tế, văn hóa xã hội đi đôi với công tác bảo vệ môi trường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ GIẢI PHÁP

2.1. Tổ chức thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 về kinh tế biển:

Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và các chính sách về ưu đãi, khuyến khích phát triển kinh tế thủy sản của cấp trên. Nhiều năm qua thành phố đã tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân vay vốn giải quyết việc làm: cho vay vốn nuôi tôm, vay vốn đóng tàu cá phục vụ khai thác xa bờ tại các xã ven biển… Nhiều dự án đã phát huy hiệu hiệu quả cao sau quá trình đầu tư.

Trong những năm qua, ngư dân đầu tư, nâng cấp, đóng mới nhiều tàu cá có công suất lớn, trang bị các thiết bị khai thác hàng hải, thông tin liên lạc ngày càng hiện đại như: máy dò ngang, máy ra đa, định vị, thông tin liên lạc tầm xa, … đảm bảo an toàn cho người và tàu cá, tăng hiệu quả sản xuất cũng như trong công tác phòng chống thiên tai. Đẩy mạnh phát triển khai thác xa bờ có tổ chức với cơ cấu thuyền nghề hợp lý; giảm dần tàu cá có công suất nhỏ dưới 90CV, tăng tần số tàu có công suất từ 400CV trở lên.

Đối với lĩnh vực nuôi trồng thuỷ sản thời gian qua tuy gặp không ít khó khăn do ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nuôi tôm,… Nhưng nuôi trồng thủy sản cũng mang lại giá trị kinh tế cao trong những năm gần đây nhờ thay đổi đối tượng nuôi, hình thức nuôi tôm *(chuyển từ nuôi tôm sú năg suất thấp sang nuôi tôm thẻ chân trắng năng suất cao; chuyển từ nuôi tôm độc canh sang nuôi tôm xen ghép cua, cá),* một số đối tượng nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao đã được đưa vào nuôi ở một số địa phương như: Nuôi cá măng, nuôi cá đối kết hợp với tôm sú, nuôi cá chẽm,… Đồng thời áp dụng khoa học công nghệ sinh, hóa học vào nuôi trồng thủy sản.

2.2. Tổ chức thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:

Thường xuyên theo dõi tình hình khí hậu, thời tiết, chỉ đạo UBND các xã ven biển phối hợp chặt chẽ với lực lượng biên phòng đóng trên địa bàn tuyên truyền, vận động nhân dân và chủ phương tiện khai thác đánh bắt thủy hải sản chủ động phòng tránh thời tiết xấu, góp phần giảm thiểu mọi thiệt hại cho nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Trong đó, tập trung vào các đối tượng như: Nhà máy chế biến thủy sản, các họ kinh doanh ven biển để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm tra vệ sinh môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn các xã ven biển, hướng dẫn cho chủ cơ sở sản xuất kinh doanh lập hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật. Triển khai cho chủ cơ sở cam kết không vi phạm bảo vệ môi trường từ đó nâng cao hiệu quả, phát huy hiệu lực trong công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường, đặc biệt đối với các dự án liên quan đến phát triển kinh tế biển. Kiểm soát nghiêm các dự án đầu tư có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao ở khu vực biển, ven bờ, không để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường.

UBND các xã đã thành lập đường dây nóng tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của các tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường từ xã đến thôn nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, tiếp nhận, xử lý thông tin về bảo vệ môi trường.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; quản lý chất thải ngày càng được quan tâm. Đến nay, 100% hộ gia đình thực hiện tốt việc đổ rác thải đúng nơi quy định để công ty môi trường thu gom; triển khai thực hiện mô hình phân loại rác được người dân hưởng ứng tích cực, góp phần giảm thiểu lượng rác đưa đi xử lý cũng như hạn chế ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra.

Hướng dẫn người nông dân chuyển đổi mô hình nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện khí hậu, môi trường, thổ nhưỡng của địa phương.

Đẩy mạnh phát triển khai thác đánh bắt hải sản xa bờ, giảm dần tàu có công suất nhỏ khai thác ven bờ và khuyến khích ngư dân giảm dần nghề lưới kéo, tăng nghề lưới rê lên 45%; nghề câu 15%; nghề lưới vây chụp 10%, nghề lưới kéo giã cào đến năm 2045 xuống còn 30%

Phối hợp với lực lượng Biên phòng tổ chức tuần tra, kiểm soát kịp thời phát hiện xử lý các trường hợp ngư dân vị phạm các quy định về khai thác nguồn lợi thủy sản để kịp thời tuyên truyền, giáo dục và xử lý.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Hạn chế, yếu kém

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường biển tới cộng đồng dân cư còn nhiều hạn chế; chưa có cơ chế hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngành nghề khai thác thủy sản cho phù hợp với ngư trường, mùa vụ; việc thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường chưa nghiêm, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

Ý thức nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường biển vẫn chưa cao, tình trạng gây ô nhiễm môi trường biển và ven bờ, làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như: vứt rác, chất thải, xác súc vật bừa bãi ở nơi công cộng, nguồn nước,… vẫn còn phổ biến.

3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức do dịch bệnh Covid-19 diễn biến kéo dài và phức tạp tác động không nhỏ đến thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và triển khai thực hiện Nghị quyết của tỉnh.

Vùng biển của tỉnh chịu tác động thường xuyên của thiên tai, bão lũ với cường độ lớn, tần suất cao. Biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; điều kiện địa lý cách xa các thành phố lớn nên ít có lợi thế lan tỏa trong quá trình thu hút đầu tư, phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ, khoa học và công nghệ… gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế biển, đảo của tỉnh.

Năng lực lãnh đạo, quản lý của một số cấp ủy Đảng, chính quyền nhất là cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu; việc tổ chức thực hiện một số chủ trương, chính sách pháp luật đem lại hiệu quả chưa cao.

Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong việc trao đổi, chia sẻ thông tin nắm tình hình có thời điểm chưa chặt chẽ; công tác đánh giá, dự báo, xử lý tình hình chưa hiệu quả. Nguồn lợi thủy sản tại các ngư trường truyền thống gần bờ ngày càng cạn kiệt, việc chuyển đổi ngành nghề khai thác bền vững cho ngư dân chưa được quan tâm, ý thức chấp hành của một số người dân kém, chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe. Một bộ phận nhân dân, ngư dân còn thiếu hiểu biết pháp luật về biển; ý thức bảo vệ, giữ gìn tài nguyên, môi trường biển của người dân còn nhiều hạn chế.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của biển đảo trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo được nâng lên rõ rệt. Kinh tế biển của thành phố Quảng Ngãi có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển được chú trọng, đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới được tăng cường, giữ vững chất lượng cuộc sống cho người dân ở vùng ven biển, hải đảo được nâng cao.

Mặt dù, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng với sự đồng

hành, hỗ trợ kịp thời của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp đã dần đi vào hoạt động ổn định, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân trong vùng và thu hút nhiều lao động tham gia làm việc. Nguồn lực lao động ở vùng ven biển dồi dào, có tính cần cù và sáng tạo trong lao động. Đây là yếu tố khá thuận lợi cho Nhà đầu tư trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều hạn chế như: Một số ngành kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng như thủy sản phát triển chưa đồng bộ, tập trung vào đánh bắt, còn yếu trong khâu bảo quản, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá dẫn đến giá trị hàng hóa thấp; du lịch phát triển chưa xứng tầm; sản phẩm, dịch vụ du lịch chưa phong phú, đa dạng. Hệ thống hạ tầng chưa được kết nối đồng bộ, chưa tạo động lực mạnh cho thu hút đầu tư để phát triển kinh tế và đô thị ven biển; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện.... Ô nhiễm môi trường vùng ven biển vẫn còn diễn ra, tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới biển diễn biến phức tạp. Đời sống nhân dân vùng ven biển còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng giáo dục, đào tạo và giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế. Một bộ phận nhân dân, ngư dân còn thiếu hiểu biết pháp luật về biển; ý thức bảo vệ, giữ gìn tài nguyên, môi trường biển của người dân còn chưa cao.

Nguyên nhân là do, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong công tác tuyên truyền bảo vệ biển, đảo; nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho các ngành kinh tế biển còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và trong nước diễn biến kéo dài, phức tạp tác động trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế biển, ảnh hưởng đến quá trình thu hút đầu tư của tỉnh. Do đặc thù khai thác dài ngày của ngư dân (trên biển) nên việc tổ chức học tập, phổ biến tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo còn gặp nhiều khó khăn.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

5.1. Trong thời gian đến địa phương phối hợp cùng với các cấp, các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về biển đến tận người dân để làm cho mọi người nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường biển, môi trường sống,... góp phần làm cho kinh tế biển phát triển bền vững.

5.2. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng mới, cải tạo nâng cấp quy mô và hạ tầng kỹ thuật về môi trường của các cảng cá, để đáp ứng nhu cầu neo đậu tàu thuyền, tạo điều kiện phát triển hậu cần nghề cá, giải quyết lao động địa phương.

5.3 Cần có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển du lịch và dịch vụ biển ở địa phương, tích cực kêu gọi nhà đầu tư phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, khu du lịch nghỉ dưỡng biển, trong đó tập trung phát triển du lịch biển Mỹ Khê tạo điểm nhấn hu hút kháchdu lịch trong và ngoài tỉnh khi đến Quảng Ngãi; xây dựng, phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học,... Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi ngành nghề lưới kéo sang các nghề Rê, Câu,... tạo sinh kế bền vững, việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người dân.

5.4 Tiếp tục đầu tư xây dựng kè chống sạt lỡ bờ biển từ thôn Phổ An đến cửa Lở thôn Tân Thạnh, Xã Nghĩa An, trồng rừng phòng hộ ven biển, nạo vét lòng sông từ thôn Phổ Trường đến thôn Tân Thạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền đi lại dễ dàng, xây dựng khu neo đậu, tránh trú bảo cho tàu thuyền, xây dựng kè chống bồi lấp của Đại, xây dựng cảng cá và hệ thống đường giao thông đồng bộ cho xã Nghĩa An nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế biển bền vững.

5.5 Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị, phương tiện để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

Trên đây là nội dung báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TN&MT tỉnh (t/h);
- CT, PCT(TN) UBND TP;
- Các phòng: TNMT, KT TP;
- C,PVP, CV(TN);
- UBND các xã: Nghĩa An, Nghĩa Phú, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ;
- Lưu VT. TNMT(qan23).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Nguyễn Lâm